Thứ Tư, Ngày 31 Tháng 7 Năm 2024

Chứng khoán Việt Nam

Thông tin thị trường chuyên sâu

Shinhan Securities

Báo cáo ngày

Xu hướng thị trường:

Rộn ràng nhịp đập thị trường

▶ Trong phiên giao dịch ngày thứ Tư, thị trường sôi động khi sắc xanh bao phủ ở các nhóm cổ phiếu Large cap nhờ ghi nhận KQKD tích cực. Thanh khoản thị trường cũng cải thiện, ghi nhận trên mức trung bình 20 ngày.

▶ Kết thúc phiên giao dịch, chỉ số VN-Index tăng 6.45 điểm (+0.52%), đạt 1,251.51 điểm; HNX-Index giảm 0.51 điểm (-0.22%), đạt 235.36 điểm. Thanh khoản thị trường đạt 17.57 nghìn tỷ đồng, tương ứng khoảng 748.8 triệu cổ phiếu được giao dịch. Khối ngoại bán ròng 674.01 tỷ đồng, tập trung chủ yếu ở VIC, TCB, HVN.

▶ VCB (+1.94%), VNM (+5.76%), GAS (+3.50%) là ba mã cổ phiếu đóng góp nhiều nhất vào sắc xanh của thị trường. Trái lại, HPG (-2.51%), HVN (-6.80%), PLX (-2.55%) là ba mã lấy đi nhiều điểm nhất của thị trường.

▶ Thực phẩm - đồ uống, Năng lượng, và Tiện ích là các nhóm ngành đóng góp lớn nhất vào đà tăng của thị trường trong phiên hôm nay. Các mã tiêu biểu: VNM, BSR, GAS.

▶ Góc nhìn kỹ thuật: VN-Index chậm rãi tăng điểm nhưng gặp rung lắc khi tiến đến EMA20 và EMA50. Lực bán xuất hiện tại vùng này khiến cho chỉ số chỉ tăng nhẹ hơn 6 điểm trong phiên. Các phiên giao dịch gần đây của chỉ số có biên độ dao động nhỏ và thanh khoản thấp tới trung bình, điều này cho thấy tâm lý lưỡng lự của thị trương. Trong ngắn hạn, VN-Index vẫn đang ở trạng thái tích lũy trong biên độ 1,220-1,260 điểm. Phe mua vẫn đang chờ đợi một tín hiệu rõ ràng hơn để vào hàng trong thời gian tới.

Chiến lược: Nhà đầu tiếp tục quan sát diễn biến của thị trường tại vùng hỗ trợ 1,220-1,230 điểm, có thể cân nhắc giải ngân với tỷ trọng thấp. Nếu VN-Index tăng vượt lên trên EMA50 với thanh khoản quanh mức trung bình (lực bán không mạnh), đây sẽ là tín hiệu tích cực để giải ngân thêm cho nhà đầu tư.



Các chỉ số chính trên thị trường chứng khoán Việt Nam

Index	Giá	%1D	%1M	%1Yr.	PER	PBR	Vốn hóa
VN-Index	1,252	0.5	0.5	2.3	15.4	1.7	5,098,316
VN30 Index	1,299	0.9	1.6	5.5	12.4	1.7	3,544,726
VN Midcap	1,880	-0.2	-2.1	14.0	17.3	1.6	963,140
VN Smallcap	1,459	-0.6	-2.8	2.9	27.9	1.0	250,168
HNX Index	235	-0.2	-0.9	-1.7	16.9	1.2	305,642
UpCom	95	-0.2	-2.5	6.4	13.4	1.8	1,512,481

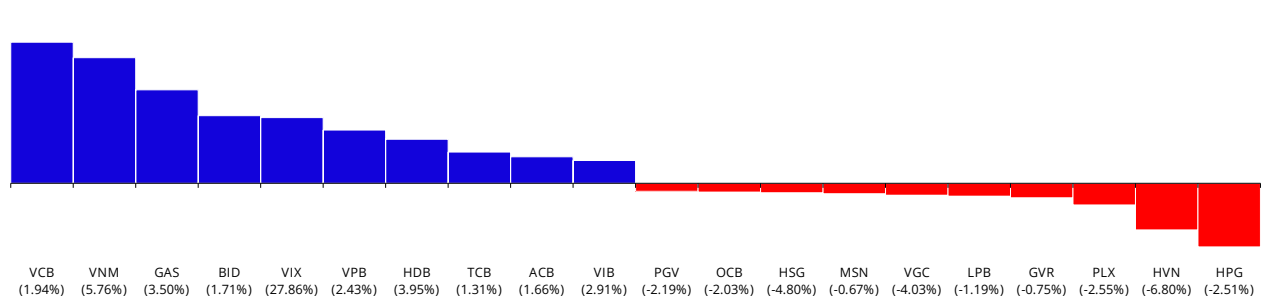
Nhóm ngành

Nhóm ngành	%1D	%1M	%YTD	%1 YR.	PER	PBR	Vốn hóa
Bán lẻ	1.2	-3.2	44.0	1.3	262.7	4.1	134,007
Bảo hiểm	1.2	-4.5	12.6	-5.1	14.9	1.5	45,866
Bất động sản	0.1	-2.0	-6.2	-23.4	13.6	1.2	692,475
CNTT	0.4	-0.8	50.1	66.7	29.9	5.8	206,019
Dầu khí	-1.8	8.1	42.7	9.5	26.0	2.8	73,718
Dịch vụ tài chính	4.0	-3.7	4.7	17.4	21.3	1.8	189,801
Tiện ích	1.7	-0.2	6.7	-5.3	16.5	2.0	319,732
Du lịch và Giải trí	-2.6	-18.7	20.3	21.6	n.a	31.0	116,297
Hàng & DV CN	2.5	0.2	16.9	16.6	16.2	1.9	152,706
Hàng CN & Gia dụng	-0.3	1.0	17.5	13.2	16.3	2.0	61,356
Hóa chất	-0.8	-3.4	35.9	36.3	27.4	2.2	242,009
Ngân hàng	1.2	3.6	14.9	10.7	9.9	1.6	2,021,822
Ô tô và phụ tùng	-1.2	-4.7	16.4	21.9	20.5	1.4	17,007
Tài nguyên Cơ bản	-2.4	-4.7	5.4	5.9	38.5	1.5	226,365
Th.phẩm & Đồ uống	1.7	0.1	3.6	-10.7	26.2	2.8	447,607
Truyền thông	0.5	2.7	-20.1	35.0	26.8	0.9	1,709
Xây dựng và Vật liệu	-1.5	-5.9	-1.9	-0.5	25.3	1.4	123,168
Y tế	0.0	3.3	12.3	0.9	15.3	2.1	38,897

Tiền tệ và hàng hóa

	Tỷ giá	%1D	%1W	%1M	%3M	%YTD	%1Yr.
Dollar index	104	-0.3	-0.1	-1.5	-1.8	2.9	2.4
USD/JPY	151	-1.4	-2.1	-6.7	-4.5	6.8	5.9
USD/CNY	7	-0.2	-0.5	-0.6	-0.2	1.8	1.2
KRW/USD	1,376	-0.6	-0.3	-0.6	-0.5	6.8	7.9
EUR/USD	1	0.0	0.2	-0.7	-1.4	2.1	1.7
USD/VND	25,241	-0.2	-0.5	-0.8	-0.4	4.0	6.6
Dầu Thô	76	2.0	-1.8	-6.5	-7.0	6.4	-6.8
Xăng	237	-0.7	-3.3	-6.3	-12.5	12.8	-19.1
Khí đốt	2	0.3	0.8	-18.0	7.1	-15.2	-19.0
Than	139	-0.6	3.4	4.3	-2.1	-4.9	3.6
Vàng	2,417	0.3	0.8	3.7	5.7	17.2	23.0
Thép cuộn	3,452	-0.5	-3.0	-6.9	-9.6	-15.4	-15.1

Đóng góp vào VN Index



[Analyst]
Phuc Nguyen
☎ (84-28) 6299 - 8025
✉ phuc.nlh@shinhan.com

[Analyst]
Trang Vo
☎ (84-28) 6299 - 7751
✉ trang.vo@shinhan.com

Theo dõi Zalo của SSV
để cập nhật báo cáo mới nhất

Quét mã QR hoặc
click để theo dõi

Điểm tin thị trường

Tin tức nổi bật

1. DVN – Dược phẩm: DVN công bố báo cáo tài chính với đà tăng trưởng lợi nhuận 2 con số. Không gian tăng trưởng của Vinapharm tiếp tục mở rộng bằng hợp tác chiến lược với các tập đoàn dược phẩm hàng đầu thế giới.

2. VPB – Ngân hàng: VPB tập trung khai thác tối đa các cơ hội kinh doanh nhờ diễn biến tích cực của thị trường, đồng thời kỳ vọng triển vọng kinh tế phục hồi mạnh hơn trong những tháng tới sẽ giúp hệ sinh thái đạt được các mục tiêu kinh doanh của năm 2024.

3. SCI – Công nghiệp: Q2.2024, CTCP SCI E&C ghi nhận doanh thu thuần 280.8 tỷ đồng, giảm 10.1% YoY. LNST đạt 1.6 tỷ đồng, giảm 42.76% YoY.

4. MSB – Ngân hàng: KQKD 1H2024, Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam ghi nhận mức tăng trưởng ổn định về lợi nhuận cũng như tổng thu nhập hoạt động.

5. DBC – Hàng tiêu dùng: KQKD Q2.2024, Dabaco ghi nhận lợi nhuận giảm 56% YoY, hoàn thành 30% kế hoạch lợi nhuận năm sau 6 tháng. Vay ngắn hạn của công ty này tăng mạnh từ 4,732 tỷ đồng lên 5.637 tỷ đồng.

6. MWG, FRT – Bán lẻ: Chuỗi Bách hóa Xanh của Thế Giới Di Động và chuỗi nhà thuốc Long Châu của FPT Retail đạt tăng trưởng tốt trong khi các mảng khác lại khá ảm đạm

7. BSR – Dầu khí: Báo cáo tài chính hợp nhất quý 2/2024 của Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn cho thấy công ty đã giải quyết xong vướng mắc cuối cùng trong lộ trình niêm yết cổ phiếu tại HoSE.

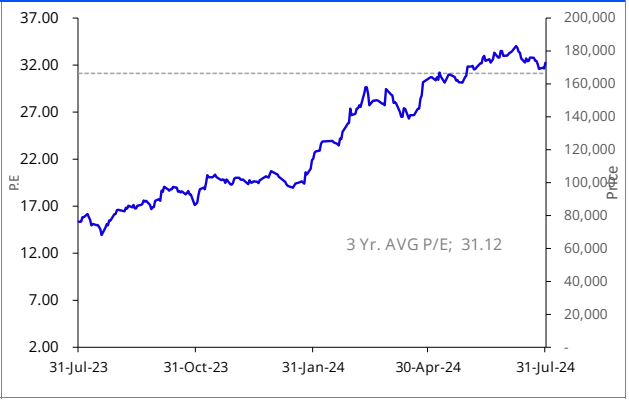
8. GMD – Logistics: Lợi nhuận trước thuế bán niên giảm phân nửa so với cùng kỳ còn 1.219 tỷ đồng, dù vậy GMD vẫn hoàn thành 72% kế hoạch năm chỉ sau hai quý kinh doanh.

9. VJC – Hàng không: Sau nửa năm bay, Vietjet đã hoàn thành 52% mục tiêu doanh thu và vượt 3% mục tiêu lợi nhuận cả năm 2024.

Cổ phiếu nổi bật trong ngày

CTCP Bán lẻ Kỹ thuật số FPT – FRT

FRT – Bán lẻ: CTCP Bán lẻ Kỹ thuật số FPT đã công bố kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2024 với doanh thu 18.281 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế đạt 161 tỷ đồng.



Shinhan Securities

Xu hướng dòng tiền

Luân chuyển dòng tiền giữa các nhóm ngành (tỷ đồng)

STT	Nhóm ngành	% Thay đổi thanh khoản trung bình 1 tuần	7/30/2024	7/31/2024	TB 1 tuần	Xu hướng 20 phiên
1	Tài nguyên Cơ bản	85.8	774	1,586	854	
2	Thực phẩm và đồ uống	62.8	1,641	2,272	1,396	
3	Bán lẻ	53.1	488	820	536	
4	Ngân hàng	52.1	2,223	3,578	2,351	
5	Xây dựng và Vật liệu	49.5	430	616	412	
6	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	44.5	278	424	293	
7	Hàng cá nhân & Gia dụng	41.0	228	295	210	
8	Dầu khí	35.7	130	212	156	
9	Y tế	32.1	44	59	44	
10	Bảo hiểm	18.3	28	39	33	
11	Ô tô và phụ tùng	16.7	80	57	49	
12	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	10.6	1,259	889	803	
13	Dịch vụ tài chính	7.5	1,227	1,174	1,093	
14	Bất động sản	1.4	2,177	1,954	1,927	
15	Hóa chất	-1.3	774	649	657	
16	Công nghệ Thông tin	-11.7	389	437	495	
17	Truyền thông	-16.1	12	8	9	

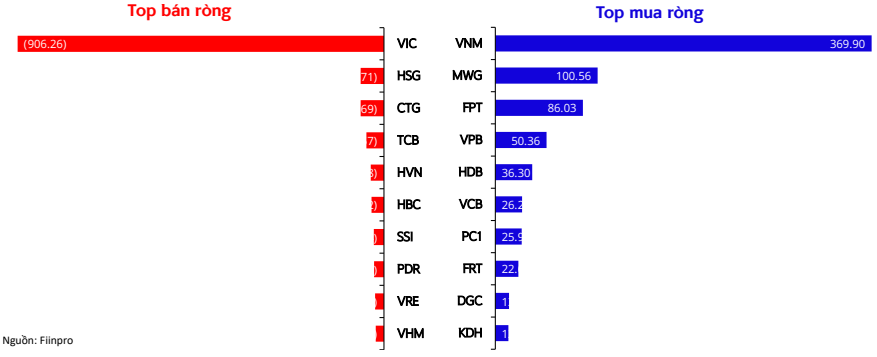
Top 15 cổ phiếu có giá trị giao dịch đột biến 1 tuần

Mã	Tên doanh nghiệp	Nhóm ngành	% Thay đổi			Thống kê giao dịch		
			Giá đóng cửa	%1D	% 1W	%YTD	% Thay đổi GTGD	GTGD (VND tỷ)	Xu hướng
VNM	VINAMILK	Thực phẩm và đồ uống	71,600	5.8	9.1	5.9	489	1,490.4	
VPB	VPBank	Ngân hàng	19,000	2.4	2.7	-1.0	242	663.6	
HSG	Tập đoàn Hoa Sen	Tài nguyên Cơ bản	21,800	-4.8	-4.8	-4.4	288	616.0	
HPG	Hòa Phát	Tài nguyên Cơ bản	27,200	-2.5	-1.8	7.0	83	666.8	
MWG	Thế giới di động	Bán lẻ	63,800	1.3	3.9	49.1	62	660.7	
TPB	TPBank	Ngân hàng	18,150	0.8	1.1	4.3	142	396.8	
GAS	PV Gas	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	79,900	3.5	3.8	5.8	451	253.0	
BCG	Bamboo Capital	Dịch vụ tài chính	7,670	0.1	-0.1	-13.0	299	164.5	
NVL	Novaland	Bất động sản	11,850	3.9	3.9	-30.5	108	219.4	
GEX	Tập đoàn Gelex	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	22,750	0.0	1.1	-3.6	56	262.3	
HBC	Tập đoàn Xây dựng Hòa Bình	Xây dựng và Vật liệu	5,850	-6.8	-20.0	-25.7	1,620	89.3	
NKG	Thép Nam Kim	Tài nguyên Cơ bản	22,600	-3.8	-3.4	-8.3	125	148.4	
HDB	HDBank	Ngân hàng	26,300	4.0	5.0	29.6	53	237.1	
VCB	Vietcombank	Ngân hàng	89,200	1.9	1.9	11.1	91	165.1	
TCB	Techcombank	Ngân hàng	23,250	1.3	1.1	46.2	42	254.4	

Top 10 cổ phiếu có khối lượng giao dịch đột biến 1 tuần

Mã	Tên doanh nghiệp	Nhóm ngành	% thay đổi			Thống kê giao dịch		
			Giá đóng cửa	%1D	% 1W	%YTD	% Thay đổi KLGD	Khối lượng giao dịch	Xu hướng
VNM	VINAMILK	Thực phẩm và đồ uống	71,600.0	5.8	9.1	5.9	8.2	71.60	
GAS	PV Gas	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	79,900.0	3.5	3.8	5.8	3.7	79.90	
SGT	Sài Gòn Telecom	Công nghệ Thông tin	14,300.0	0.7	8.7	26.5	7.5	14.30	
CRC	Create Capital Việt Nam	Xây dựng và Vật liệu	6,940.0	6.9	8.3	27.1	7.6	6.94	
QCG	Quốc Cường Gia Lai	Bất động sản	7,350.0	1.5	0.5	-26.9	7.0	7.35	
CIG	Xây dựng COMA 18	Xây dựng và Vật liệu	5,440.0	5.4	8.2	-16.0	7.5	5.44	
BCG	Bamboo Capital	Dịch vụ tài chính	7,670.0	0.1	-0.1	-13.0	-0.2	7.67	
TLH	Thép Tiến Lên	Tài nguyên Cơ bản	6,830.0	-6.9	-6.2	-17.5	-7.0	6.83	
HSG	Tập đoàn Hoa Sen	Tài nguyên Cơ bản	21,800.0	-4.8	-4.8	-4.4	-5.2	21.80	
HBC	Tập đoàn Xây dựng Hòa Bình	Xây dựng và Vật liệu	5,850.0	-6.8	-20.0	-25.7	-17.2	5.85	

Top mua bán ròng của khối ngoại trong ngày (tỷ đồng)



Nguồn: Fiinpro

Giao dịch của khối ngoại (tỷ đồng)

Ngày	Mua	Bán	Mua-Bán ròng
7/31/2024	1,978.1	2,590.1	-612.0
7/30/2024	1,287.6	1,594.6	-307.0
7/29/2024	892.3	1,115.6	-223.3
7/26/2024	1,956.8	1,568.1	388.7
7/25/2024	1,658.5	2,148.1	-489.6
7/24/2024	2,210.7	1,971.8	238.9
7/23/2024	1,569.3	1,696.3	-127.1
7/22/2024	2,072.7	1,663.3	409.4
7/19/2024	1,713.0	2,076.6	-363.6
7/18/2024	3,446.3	2,532.6	913.7
7/17/2024	2,691.8	2,165.7	526.1
7/16/2024	1,480.4	1,716.7	-236.3
7/15/2024	1,256.2	2,874.3	-1,618.1
7/12/2024	1,196.1	1,958.0	-761.9
7/11/2024	2,410.9	2,405.0	5.9
7/10/2024	3,889.1	4,919.0	-1,029.9

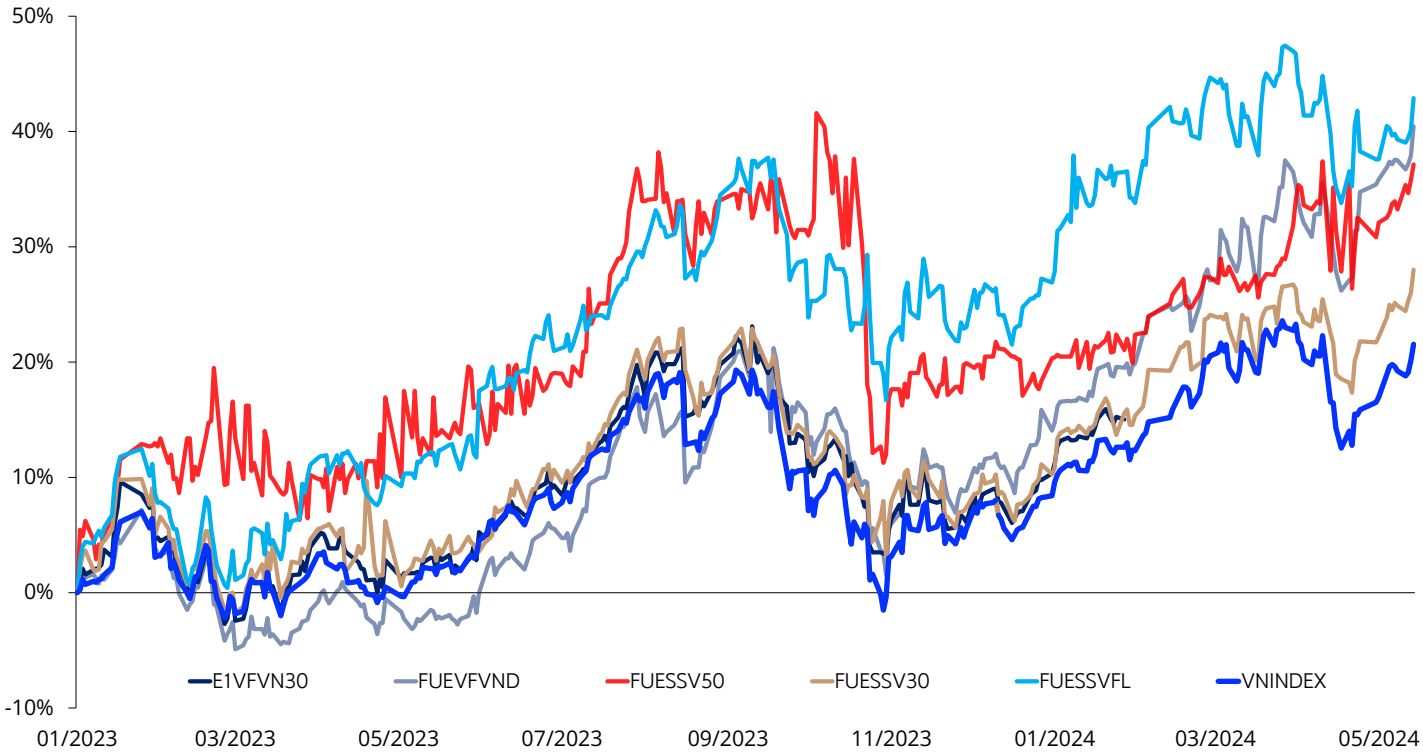
Shinhan Securities

Chứng chỉ quỹ ETF

Thống kê giao dịch chứng chỉ quỹ ETF nội địa

Stt	Tên quỹ	Mã chứng chỉ quỹ	Giá (VND)	%1D	%1M	YTD	KLGD	GTGD (tỷ đồng)	Thanh khoản 20 phiên
1	DCVFMVN30 ETF Fund	E1VFVN30	22,750	0.8%	1.6%	17.1%	75,500	1.7	
2	SSIAM VNX50 ETF	FUESSV50	19,440	0.7%	0.6%	16.4%	13,100	0.3	
3	SSIAM VNFIN LEAD ETF	FUESSVFL	20,700	1.0%	1.7%	12.2%	10,500	0.2	
4	DCVFMVN Diamond ETF	FUEVFVND	32,880	0.1%	2.1%	24.4%	343,800	11.2	
5	VinaCapital VN100 ETF	FUEVN100	17,500	0.4%	0.5%	14.2%	54,300	0.9	
6	SSIAM VN30 ETF	FUESSV30	16,130	0.4%	2.1%	15.5%	18,700	0.3	
7	MAFN VN30 ETF	FUEMAV30	15,630	1.2%	2.0%	15.9%	2,000	0.0	
8	IPAAM VN100 ETF	FUEIP100	8,510	-4.6%	-3.2%	1.1%	800	0.0	
9	KIM Growth VN30 ETF	FUEKIV30	8,710	1.0%	1.5%	16.1%	1,600	0.0	
10	DCVFMVN Mid Cap ETF	FUEDCMID	11,880	0.2%	-1.8%	9.0%	26,200	0.3	
11	KIM Growth VNFINSELECT ETF	FUEKIVFS	12,320	1.2%	3.8%	16.2%	400	0.0	
12	MAFM VNDIAMOND ETF	FUEMAVND	13,800	0.6%	1.8%	26.3%	3,800	0.1	
13	FPT CAPITAL VNX50 ETF	FUEFCV50	12,020	0.1%	-0.8%	-6.3%	5,000	0.1	
14	KIM GROWTH VN DIAMOND ETF	FUEKIVND	n.a	n.a	n.a	n.a	4,900	n.a	
15	Thien Viet Growth Fund 3	FUCTVGF3	n.a	n.a	n.a	n.a	n.a	n.a	
16	Thien Viet Growth Fund 4	FUCTVGF4	13,700	0.0%	4.6%	-2.1%	100	0.0	
17	Thien Viet Growth Fund 5	FUCTVGF5	10,750	0.0%	2.9%	-2.3%	100	0.0	
18	Bao Viet Fund VN Diamond	FUEBFVND	n.a	n.a	n.a	n.a	n.a	n.a	
19	TECHCOM VN RE ETF FUND	FUCVREIT	6,390	0.0%	-6.0%	-11.7%	100	0.0	

Tỷ suất lợi nhuận của các ETF và VNINDEX



Thống kê chứng chỉ quỹ ETF nội địa

Stt	Tên quỹ	Công ty quản lý	Ngày thành lập	Mô phỏng chỉ số	Tài sản (triệu USD)	Dòng vốn ròng 1M (triệu USD)	Dòng vốn ròng 3M (triệu USD)	Tỷ suất lợi nhuận 1Y (%)	Độ lệch chuẩn 1Y (%)	Beta	Lợi suất cổ tức (%)	PB (x)	PE (x)	Tỷ trọng top 10 cổ phiếu (%)
1	DCVFMVN30 ETF Fund	DCVFM	8/14/2014	VN30	293.6	289,529	(291,159)	7.3	16.0	1.0	1.91	1.7	11.5	64.3
2	SSIAM VNX50 ETF	SSIAM	12/15/2014	VNX50IX	4.9	-	-	0.7	32.0	0.9	1.89	1.6	11.9	51.4
3	SSIAM VNFIN LEAD ETF	SSIAM	2/24/2020	VNFL	55.8	(38,903)	(824,314)	10.2	20.4	1.0	2.50	1.3	8.3	84.5
4	DCVFMVN Diamond ETF	DCVFM	5/12/2020	VND	477.6	(1,465,466)	(3,861,490)	22.3	18.9	1.0	2.21	1.9	11.4	82.0
5	VinaCapital VN100 ETF	Vinacapital	6/16/2020	VN100	0.013	(999,998)	(999,998)	9.9	16.1	1.0	1.67	1.7	12.5	45.5
6	SSIAM VN30 ETF	SSIAM	7/27/2020	VN30	5.8	-	-	6.0	20.5	1.0	2.04	1.6	11.3	64.2
7	MAFN VN30 ETF	MAFM	12/8/2020	VN30	n.a	(6,138)	(13,818)	7.1	16.8	1.0	n.a	n.a	n.a	n.a
8	IPAAM VN100 ETF	I.P.A	7/28/2021	VN100	1.8	(999,998)	(999,998)	-2.3	34.6	0.9	1.72	1.6	12.4	47.0
9	KIM Growth VN30 ETF	KIM	1/6/2022	VN30TR	56.5	131,669	573,415	6.2	22.3	0.9	2.04	1.6	11.2	64.5
10	DCVFMVN Mid Cap ETF	DCVFM	9/29/2022	VNMidcap	12.3	33,261	34,470	12.4	24.5	1.1	1.28	1.6	15.8	45.6
11	KIM Growth VNFINSELECT ETF	KIM	11/3/2022	VNFS	11.7	-	(1,136)	13.1	20.2	1.0	2.26	1.3	8.4	71.5
12	MAFM VNDIAMOND ETF	MAFM	3/2/2023	VND	n.a	7,217	35,522	23.8	19.4	1.0	n.a	n.a	n.a	n.a
13	FPT CAPITAL VNX50 ETF	FPTF	5/25/2023	VNX50	n.a	(999,998)	(999,998)	-11.0	45.3	0.1	n.a	n.a	n.a	n.a
14	KIM GROWTH VN DIAMOND ETF	KIMF	4/24/2024	VNX50	2.5	n.a	n.a	n.a	n.a	1.0	2.28	1.9	11.8	85.8
15	Thien Viet Growth Fund 3	TVAM	#N/A N/A	VN100	n.a	n.a	n.a	n.a	n.a	-0.4	n.a	n.a	n.a	n.a
16	Thien Viet Growth Fund 4	TVAM	9/26/2022	VN100	n.a	n.a	n.a	n.a	n.a	-0.5	n.a	n.a	n.a	n.a
17	Thien Viet Growth Fund 5	TVAM	12/29/2023	VN100	n.a	n.a	n.a	n.a	n.a	0.3	n.a	n.a	n.a	n.a
18	Bao Viet Fund VN Diamond	BVF	8/11/2023	VN30	n.a	(999,998)	(999,998)	n.a	n.a	n.a	n.a	n.a	n.a	n.a
19	TECHCOM VN RE ETF FUND	TCBS	2/27/2017	VNRE	n.a	n.a	n.a	-8.7	57.7	0.4	n.a	n.a	n.a	n.a

Nguồn: Bloomberg

Mạng lưới Shinhan Investment

SEOUL

Shinhan Securities Corp.
Shinhan Investment Tower
70, Youido-dong, Yongdungpo-gu,
Seoul, Korea 150-712
Tel : (82-2) 3772-2700, 2702
Fax : (82-2) 6671-7573

NEW YORK

Shinhan Investment America Inc.
1325 Avenue of the Americas Suite 702,
New York, NY 10019
Tel : (1-212) 397-4000
Fax : (1-212) 397-0032

HONG KONG

Shinhan Investment Asia Ltd.
Unit 7705 A, Level 77
International Commerce Centre
1 Austin Road West
Kowloon, Hong Kong
Tel : (852) 3713-5333
Fax : (852) 3713-5300

INDONESIA

PT Shinhan Sekuritas Indonesia
30th Floor, IFC 2, Jl. Jend. Sudirman Kav.
22-23, Jakarta, Indonesia
Tel : (62-21) 5140-1133
Fax : (62-21) 5140-1599

SHANGHAI

Shinhan Investment Corp.
Shanghai Representative Office
Room 104, Huaneng Union Mansion No.958,
Luijiazui Ring Road, PuDong, Shanghai, China
Tel : (86-21) 6888-9135/6
Fax : (86-21) 6888-9139

HO CHI MINH

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
22nd Floor, Centec Tower, 72-74 Nguyen Thi Minh Khai Street,
District 3, Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel : (84-8) 6299-8000
Fax : (84-8) 6299-4232

HA NOI

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
Hanoi Branch
2nd Floor, Leadvisors Building, No. 41A Ly Thai To, Ly Thai To Ward,
Hoan Kiem District, Hanoi, Vietnam
Tel : (84-8) 6299-8000



Thông báo tuân thủ

- Tôi/chúng tôi, với tư cách là chuyên viên/các chuyên viên chuẩn bị bản báo cáo này, cam kết nội dung trình bày ở trên phản ánh chính xác quan điểm của tôi/chúng tôi về các chủ đề chứng khoán và tổ chức phát hành được thảo luận trong bài nghiên cứu. Hơn nữa, tôi/chúng tôi cũng xác nhận rằng bài báo cáo này được soạn thảo mà không phải chịu bất kỳ áp lực hoặc sự can thiệp bất hợp lí nào từ bên ngoài.
- Bản báo cáo này là tài liệu tham khảo cho đầu tư dựa trên các dữ liệu trong quá khứ, vì thế những biến động giá cổ phiếu trong tương lai có thể khác với các xu hướng đã được hình thành.
- Các dữ liệu này phản ánh chính xác quan điểm của người phụ trách nghiên cứu và phân tích về chứng khoán của doanh nghiệp, nhưng các quan điểm và những ước tính này có thể có sai sót. Vì vậy, việc lựa chọn cổ phiếu và đưa ra quyết định đầu tư cuối cùng nên phụ thuộc vào chính mỗi nhà đầu tư.
- Các dữ liệu nghiên cứu và phân tích chỉ được gửi tới cho khách hàng của chúng tôi, do đó không được phép sao chép, chuyển tiếp, hay gửi lại cho các đơn vị khác trong mọi trường hợp mà chưa được sự cho phép của chúng tôi.

Miễn trừ trách nhiệm

- Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing dành cho thị trường / chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi Phòng Phân Tích của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiên và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.
- Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình, các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.
- Bản quyền ⓒ 2020 của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.

Shinhan Securities